

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG PHƯỜNG, XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Dự toán												Quyết toán												So sánh (%)			
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Chi tạo nguồn CCTL	Chi dự phòng	Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Chi nộp ngân sách cấp trên	Chi hỗ trợ địa phương khác	Chi chuyển nguồn sang năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
			Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó										
																				Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi giáo dục đào tạo dạy nghề							Chi khoa học và công nghệ
A	B	1=2+5+8+11+12	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=14+17+20+23+24+25	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
	TỔNG SỐ	4.314.770	238.961	0	0	3.963.815	36.859	0	24.195	0	0	36.438	51.361	22.597.303	1.276.681	84.186	0	17.695.329	8.093.322	1.591	0	0	0	114.508	150	3.510.635			
1	Phường Hải Vân	68.670	0			68.304	281					341	25	299.502	2.318	0		261.738	123.516	0	0	0	0	1.577	0	33.869	436%	-	383%
2	Phường Liên Chiểu	51.256	0			50.780	376					400	76	283.256	2.481	0		236.582	127.199	0	0	0	0	2.666	0	41.527	553%	-	466%
3	Phường Hòa Khánh	105.137	1.620			103.101	709					390	26	496.213	3.657	0		439.026	259.811	0	0	0	0	3.562	0	49.969	472%	226%	426%
4	Phường Thanh Khê	207.421	0			207.421	856							750.631	0	0		711.222	377.413	0	0	0	0	5.120	0	34.289	362%	-	343%
5	Phường Hải Châu	156.495	0			156.495	509							602.632	0	0		564.102	314.701	0	0	0	0	3.858	0	34.672	385%	-	360%
6	Phường Hòa Cường	132.144	0			132.144	503							462.784	0	0		431.857	211.220	0	0	0	0	2.565	0	28.362	350%	-	327%
7	Phường Cẩm Lệ	79.399	0			79.399	475							344.481	0	0		317.642	158.375	0	0	0	0	1.460	0	25.379	434%	-	400%
8	Phường Sơn Trà	90.735	0			90.735	572							417.244	0	0		361.467	182.017	0	0	0	0	4.333	0	51.443	460%	-	398%
9	Phường An Hải	96.586	0			96.586	391							413.002	0	0		358.919	176.504	0	0	0	0	2.394	0	51.690	428%	-	372%
10	Phường Ngũ Hành Sơn	131.371	0			131.371	834							598.285	0	0		494.768	237.485	0	0	0	0	2.037	0	101.480	455%	-	377%
11	Phường An Khê	89.130	0			89.130	500							352.074	0	0		329.040	164.852	0	0	0	0	2.150	0	20.884	395%	-	369%
12	Xã Bà Nà	39.530	0			38.605	218					737	188	198.100	5.723	0		161.456	74.530	0	0	0	0	1.298	0	29.624	501%	-	418%
13	Phường Hòa Xuân	75.603	468			73.564	503					747	824	408.684	2.020	0		330.249	173.514	0	0	0	0	4.080	0	72.335	541%	432%	449%
14	Xã Hòa Vang	39.424	669			37.750	210					742	263	222.349	4.946	0		184.247	93.139	0	0	0	0	3.133	0	30.024	564%	739%	488%
15	Xã Hòa Tiến	42.336	440			41.076	245					788	32	249.715	5.646	0		217.121	110.874	0	0	0	0	693	0	26.255	590%	1283%	529%
16	Phường Bàn Thạch	58.849	20.000			38.435	120		0			414	0	254.320	18.735	6.316		190.522	94.049	0	0	0	0	124	0	44.938	432%	94%	496%
17	Phường Tam Kỳ	54.134	17.600			36.069	120		0			465	0	259.623	15.594	5.001		203.386	109.755	0	0	0	0	709	0	39.933	480%	89%	564%
18	Phường Hương Trà	49.111	15.000			33.730	120		0			382	0	197.843	11.254	1.157		152.304	68.143	0	0	0	0	2.120	0	32.165	403%	75%	452%
19	Phường Quảng Phú	52.352	15.000			36.971	120		0			381	0	201.671	17.493	3.055		150.249	58.691	0	0	0	0	140	0	33.788	385%	117%	406%
20	Xã Chiên Đàn	44.724	2.488			40.278	150		1.500			458	0	206.103	12.650	2.464		174.128	75.918	0	0	0	0	1.210	0	18.115	461%	508%	432%
21	Xã Tây Hồ	54.823	8.681			43.717	200		1.902			523	0	227.518	16.731	0		180.225	75.689	0	0	0	0	647	0	29.914	415%	193%	412%
22	Xã Phú Ninh	44.219	6.302			34.741	155		2.766			411	0	205.088	25.012	3.782		134.252	51.391	0	0	0	0	729	0	45.095	464%	397%	386%
23	Phường Hội An Tây	49.501	0			45.693	160		0			790	3.019	308.211	23.717	0		182.623	84.358	54	0	0	0	564	0	101.307	623%	-	400%
24	Phường Hội An	65.144	0			57.888	200		0			1.183	6.074	393.625	35.936	1.157		236.755	112.084	0	0	0	0	702	0	120.233	604%	-	409%
25	Phường Hội An Đông	54.942	7.000			41.490	120		0			1.928	4.524	360.114	41.164	0		151.990	56.233	0	0	0	0	250	0	166.710	655%	588%	366%
26	Xã Tân Hiệp	15.169	0			14.945	40		0			224	0	67.756	9.589	0		35.240	8.962	750	0	0	0	206	0	22.721	447%	-	236%
27	Xã Hùng Sơn	41.098	0			40.698	160		0			400	0	251.816	19.942	2.661		201.738	75.695	0	0	0	0	406	0	29.729	613%	-	496%
28	Xã Tây Giang	40.971	0			38.002	160		2.569			400	0	301.107	39.777	842		222.399	93.511	0	0	0	0	400	0	38.532	735%	-	585%
29	Xã A Vương	19.807	0			19.607	80		0			200	0	162.188	8.120	264		124.531	52.449	0	0	0	0	466	0	29.071	819%	-	635%
30	Xã Đông Giang	38.595	0			37.415	144		0			502	678	235.875	8.273	539		187.947	76.442	0	0	0	0	3.099	0	36.556	611%	-	502%
31	Xã Sông Kôn	26.030	0			25.164	108		0			357	509	195.980	3.162	0		144.440	51.271	0	0	0	0	801	0	47.578	753%	-	574%
32	Xã Sông Vang	18.337	0			17.735	72		0			258	344	139.654	13.250	4.152		98.587	33.258	0	0	0	0	470	0	27.347	762%	-	556%
33	Xã Bến Hiên	16.271	0			15.701	72		0			233	336	119.246	3.901	0		89.591	33.921	0	0	0	0	493	0	25.262	733%	-	571%
34	Xã Đại Lộc	88.832	17.032			69.211	3.923		0			628	1.961	393.266	32.954	1.376		320.662	144.648	0	0	0	0	2.674	0	36.976	443%	193%	463%
35	Xã Thương Đức	51.204	4.945			45.714	5.145		0			384	161	176.133	14.681	1.170		149.063	55.967	0	0	0	0	827	0	11.563	344%	297%	326%
36	Xã Hà Nha	51.853	4.382			46.891	4.483		0			405	174	232.283	15.400	267		191.692	84.295	0	0	0	0	840	0	24.351	448%	351%	409%
37	Xã Vu Gia	47.841	5.790			41.336	3.489		0			343	372	209.769	16.166	74		168.432	64.065	0	0	0	0	570	0	24.602	438%	279%	407%

38	Xã Phú Thuận	67.342	13.861			52.884	4.004			0			464	133	248.928	24.370	150			204.376	68.285	0	0	0	0	477	0	19.705	370%	176%	386%
39	Phường Điện Bàn	36.740	0			36.326	120			0			414	0	224.371	16.676	3.102			172.373	90.707	0	0	0	0	198	0	35.124	611%	-	475%
40	Phường Điện Bàn Bắc	34.052	0			33.644	120			0			408	0	222.720	19.054	3.084			156.733	68.952	0	0	0	0	166	0	46.767	654%	-	466%
41	Xã Điện Bàn Tây	41.427	3.500			37.471	120			0			456	0	248.997	20.884	4.185			186.318	81.839	0	0	0	0	211	0	41.584	601%	597%	497%
42	Phường An Thắng	33.788	0			33.395	120			0			393	0	208.175	21.417	2.298			155.597	73.845	0	0	0	0	847	0	30.315	616%	-	466%
43	Phường Điện Bàn Đông	69.361	6.000			62.680	200			0			681	0	390.848	31.839	6.773			293.887	148.527	0	0	0	0	969	0	64.154	563%	531%	469%
44	Xã Gò Nổi	31.238	0			30.856	120			0			382	0	165.960	17.172	3.581			122.118	50.581	0	0	0	0	132	0	26.539	531%	-	396%
45	Xã Nam Phước	42.421	0			41.993	120			0			428	0	324.938	12.348	179			253.085	121.275	0	0	0	0	91	0	59.414	766%	-	603%
46	Xã Thu Bồn	60.428	0			59.799	160			0			629	0	290.104	17.417	1.156			231.183	82.540	0	0	0	0	386	0	41.117	480%	-	387%
47	Xã Duy Xuyên	38.454	0			38.060	120			0			394	0	253.297	14.464	1.101			189.939	73.046	0	0	0	0	339	0	48.555	659%	-	499%
48	Xã Duy Nghĩa	33.858	0			33.465	120			0			393	0	203.448	6.056	226			171.371	69.977	0	0	0	0	30	0	25.991	601%	-	512%
49	Xã Quế Sơn	65.595	3.403			61.510	200			0			682	0	300.109	18.807	5.306			226.096	82.998	0	0	0	0	456	0	54.751	458%	553%	368%
50	Xã Xuân Phú	56.721	0			56.121	160			0			600	0	271.795	11.860	7			193.301	77.836	0	0	0	0	682	0	65.952	479%	-	344%
51	Xã Nông Sơn	35.023	0			34.710	80			0			313	0	195.850	13.714	939			138.842	51.394	0	0	0	0	175	0	43.119	559%	-	400%
52	Xã Quế Sơn Trung	54.271	245			53.441	160			0			585	0	246.019	14.325	736			219.158	87.038	0	0	0	0	505	0	12.031	453%	5847%	410%
53	Xã Quế Phước	32.498	49			32.064	120			0			385	0	165.534	9.660	0			123.363	45.780	202	0	0	0	1.120	0	31.391	509%	#####	385%
54	Xã Thanh Mỹ	11.856	986			10.794	40			0			76	0	150.820	1.792	0			111.746	59.703	0	0	0	0	225	0	37.057	1272%	182%	1035%
55	Xã La Êê	23.693	1.862			20.654	80		1.032				145	0	95.766	3.027	18			72.425	23.642	0	0	0	0	147	0	20.166	404%	163%	351%
56	Xã La Dêê	29.725	5.399			23.393	80		775				158	0	103.635	6.193	16			73.736	24.854	0	0	0	0	76	0	23.629	349%	115%	315%
57	Xã Nam Giang	19.636	1.972			17.091	80		446				127	0	114.210	1.301	0			91.676	38.475	0	0	0	0	78	0	21.155	582%	66%	536%
58	Xã Bến Giằng	30.760	3.456			25.060	120		2.052				192	0	188.925	9.719	0			152.953	61.444	0	0	0	0	87	0	26.165	614%	281%	610%
59	Xã Đắc Pring	24.872	1.972			22.052	80		695				153	0	104.892	2.733	0			79.205	28.473	0	0	0	0	65	0	22.889	422%	139%	359%
60	Xã Khâm Đức	35.352	2.315			31.874	80		856				308	0	180.778	13.077	218			119.830	52.493	87	0	0	0	2.313	0	45.558	511%	565%	376%
61	Xã Phước Hiệp	24.911	1.989			22.623	80		0				299	0	136.168	6.592	62			85.655	29.770	0	0	0	0	3.628	0	40.293	544%	331%	379%
62	Xã Phước Năng	36.405	1.898			33.984	120		0				523	0	215.802	6.900	323			146.606	59.924	0	0	0	0	8.135	0	54.160	593%	364%	431%
63	Xã Phước Chánh	26.216	1.469			24.436	80		0				312	0	155.244	17.201	16			109.523	38.545	0	0	0	0	6.881	0	21.638	592%	1171%	448%
64	Xã Phước Thành	35.139	2.705			31.564	120		0				870	0	179.580	7.496	283			109.537	40.607	0	0	0	0	3.922	0	58.625	511%	277%	347%
65	Xã Việt An	41.826	0			41.267	160		0				559	0	213.896	6.691	42			172.641	70.483	0	0	0	0	232	0	34.332	511%	-	418%
66	Xã Phước Trà	25.075	0			24.677	120		0				398	0	221.475	16.332	1.836			142.958	78.060	0	0	0	0	1.366	0	60.818	883%	-	579%
67	Xã Hiệp Đức	33.625	0			33.149	120		0				476	0	177.196	4.709	763			138.327	54.523	0	0	0	0	241	0	33.920	527%	-	417%
68	Xã Thăng Bình	44.382	0			43.874	160		0				508	0	293.293	16.464	49			248.048	121.555	0	0	0	0	503	0	28.278	661%	-	565%
69	Xã Thăng An	54.311	5.476			48.290	200		0				545	0	291.722	19.666	4.492			246.159	112.816	0	0	0	0	1.789	0	24.108	537%	359%	510%
70	Xã Đông Dương	32.837	0			32.520	120		0				317	0	172.082	18.558	504			142.672	54.384	0	0	0	0	197	0	10.655	524%	-	439%
71	Xã Thăng Phú	22.682	312			22.162	80		0				208	0	129.952	11.568	100			103.393	40.461	0	0	0	0	161	0	14.830	573%	3707%	467%
72	Xã Thăng Trường	31.201	267			30.586	120		0				348	0	178.161	17.206	1.039			141.438	57.983	0	0	0	0	494	0	19.023	571%	6446%	462%
73	Xã Thăng Diên	34.789	0			34.407	120		0				382	0	233.506	19.075	0			185.861	88.137	0	0	0	0	1.159	0	27.411	671%	-	540%
74	Xã Tiên Phước	50.768	4.150			35.931	142		1.713				510	8.464	249.585	29.337	699			186.650	86.068	0	0	0	0	634	0	32.964	492%	707%	519%
75	Xã Sơn Cẩm Hà	48.332	1.950			34.588	142		3.427				465	7.902	173.781	13.020	189			145.199	57.960	0	0	0	0	460	0	15.102	360%	668%	420%
76	Xã Lãnh Ngọc	35.066	650			25.735	106		2.119				359	6.204	162.459	18.934	374			120.058	45.440	0	0	0	0	2.145	0	21.322	463%	2913%	467%
77	Xã Thạnh Bình	47.174	1.300			34.523	142		2.344				477	8.529	213.747	15.768	299			177.537	71.727	0	0	0	0	1.284	0	19.158	453%	1213%	514%
78	Xã Trà My	35.297	0			34.877	160		0				420	0	262.807	27.801	1.557			191.509	110.228	0	0	0	0	806	0	42.691	745%	-	549%
79	Xã Trà Liên	24.705	0			24.389	120		0				315	0	155.702	10.004	0			127.066	51.896	307	0	0	0	339	0	18.294	630%	-	521%
80	Xã Trà Đốc	18.734	0			18.504	80		0				230	0	207.818	14.588	544			166.455	96.382	0	0	0	0	92	0	26.682	1109%	-	900%
81	Xã Trà Tân	17.941	0			17.726	80		0				214	0	149.440	5.816	733			108.637	55.099	0	0	0	0	182	0	34.804	833%	-	613%
82	Xã Trà Giáp	16.096	0			15.887	80		0				209	0	138.054	11.439	697			109.382	52.870	0	0	0	0	89	0	17.144	858%	-	689%
83	Xã Trà Leng	14.623	0			14.395	80		0				228	0	189.358	12.186	0			152.401	66.440	0	0	0	0	174	0	24.597	1295%	-	1059%
84	Xã Trà Tập	14.556	0			14.327	80		0				229	0	192.916	24.321	0			140.520	69.033	0	0	0	0	202	0	27.874	1325%	-	981%
85	Xã Nam Trà My	14.295	0			14.065	80		0				230	0	149.578	10.359	112			113.892	52.678	0	0	0	0	140	0	25.187	1046%	-	810%
86	Xã Trà Linh	14.487	0			14.268	80		0				219	0	185.957	28.542	0			117.183	63.027	0	0	0	0	1.079	0	39.153	1284%	-	821%
87	Xã Trà Vân	13.309	0			13.101	80		0				208	0	143.296	11.545	613			108.185	48.504	0	0	0	0	287	0	23.278	1077%	-	826%
88	Xã Núi Thành	57.358	8.220			48.022	200		0				662	453	441.083	31.139	0			316.785	153.290	93	0	0	0	3.661	0	89.498	769%	379%	660%
89	Xã Tam Xuân	50.519	18.477			31.572	120		0				426	44	264.168	25.839	263			200.896	89.738	0	0	0	0	143	0	37.290	523%	140%	636%
90	Xã Đức Phú	19.185	2.030			16.918	80		0				232																		